TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2020/HS-ST Ngày 28-02-2020	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim San

Bà Nguyễn Thị Luyến.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Thu H – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị C, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1972 tại Hải Phòng; Nơi ĐKHKTT: Thôn NY, xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Nơi ở: Khu ĐTLS, phường QT, quận HB, thành phố Hải Phòng; nghề ngH: Giám đốc Công ty CH; trình độ học vấn: lớp 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị N đều đã chết; có chồng Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1958; có 03 con: lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/6/2019. Có mặt.

2. Lương Thị N, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1986 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn CT, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề ngH: Kế toán; trình độ học vấn: lớp 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn K (đã cchết) và bà Đỗ Thị C, sinh năm 1961; có chồng Trịnh Đình D, sinh năm 1982; có 02 con: lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/6/2019. Có mặt.

3. Vũ Thị T, sinh ngày 16 tháng 5 năm 1990 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề ngH: Kế toán; trình độ học vấn: Lớp 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông: Vũ Văn T, sinh năm 1964 và bà Cao Thị Q, sinh năm 1966; có 01 con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/6/2019. Có mặt.

Những người làm chứng: Phạm Văn H, Nguyễn Anh B, Vũ Văn Th, Tô Đình Ch, Vũ Văn B, Vũ Văn L, Phan Sỹ M, Phạm Hùng H, Ngô Thị M, Lê Thanh Phg, Nguyễn Xuân Th và Nguyễn Thị Th. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác ngH vụ, Cơ quan An ninh điều tra – Công an thành phố Hải Phòng phát hiện Phạm Thị C, Lương Thị N và Vũ Thị T, có dấu hiệu hoạt động mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) thu lợi bất chính.

Ngày 28/5/2019, Cơ quan An ninh điều tra đã triệu tập, lấy lời khai đối với Lương Thị N, Vũ Thị T và Phạm Thị C; các đối tượng thừa nhận về việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT và khai cất giấu con dấu, hóa đơn, tài liệu tại Phòng 201 khách sạn CH, Khu ĐTLS, phường QT, quận HB, thành phố Hải Phòng.

Khám xét địa điểm trên, Cơ quan điều tra thu giữ được các tài liệu, vật chứng gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh ngH, bộ dấu tròn, dấu chức danh giám đốc, 03 quyển hóa đơn GTGT cùng các tài liệu khác của Công ty TNHH thép PM, MSDN 0201181148; Giấy chứng nhận đăng ký doanh ngH, bộ dấu tròn, dấu chức danh giám đốc cùng các tài liệu khác của Công ty TNHH tH mại đầu tư và phát triển HT, MSDN 0201181596 cùng nhiều tài liệu của các công ty khác gồm: Công ty TNHH xuất nhập khẩu và tH mại AK, MSDN: 0201655510; Công ty TNHH tH mại dịch vụ NH, MSDN: 0200783580; Công ty TNHH phát triển tH mại và dịch vụ TL, MSDN: 0201710056; Công ty TNHH đầu tư tH mại và dịch vụ TC, MSDN: 0201260287; Công ty TNHH vật tư tH mại và dịch vụ ĐN, MSDN: 0201259429 và 02 máy vi tính xách tay.

Tài liệu điều tra xác định được: Từ tháng 9/2013 đến nay, Phạm Thị C đã thành lập và mua lại 07 công ty gồm: Công ty TNHH thép PM, Công ty TNHH tH mại và dịch vụ CH, Công ty TNHH tH mại đầu tư và phát triển HT, Công ty TNHH vật tư tH mại và dịch vụ ĐN, Công ty TNHH đầu tư tH mại và dịch vụ TC, Công ty TNHH phát triển tH mại và dịch vụ TL, Công ty TNHH tH mại dịch vụ NH để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng. Để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại các công ty này, C đã thuê nhiều người làm kế toán cho các công ty của C, trong đó có Lương Thị N làm kế toán Công ty TNHH thép PM (từ tháng 01/2014 đến nay) và Vũ Thị T làm kế toán Công ty TNHH tH mại và dịch vụ CH (từ tháng 01/2015 đến nay) thực hiện các công việc viết hóa đơn, soạn thảo hợp đồng, chứng từ và giao dịch ngân hàng. Cụ thể việc mua bán hóa đơn GTGT như sau:

- Tại Công ty PM, MSDN: 0201181148, có trụ sở đăng ký kinh doanh tại số 68 khu ĐTQT, phường QT, quận HB, thành phố Hải Phòng: từ tháng 9/2013 đến

tháng 12/2018, đứng tên làm giám đốc công ty này là Phạm Thị C; từ tháng 01/2019 đến nay, đứng tên giám đốc công ty này là Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1959, nơi cư trú: TT, phường HT, quận HK, thành phố Hà Nội.

Phạm Thị C khai nhận: Năm 2012, C mua lại giấy chứng nhận đăng ký doanh ngH, bộ con dấu của Công ty PM từ một người tên Phi (không nhớ nhân thân, lai lịch) hết số tiền 20.000.000 đồng và thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn tại công ty này từ tháng 9/2013 đến nay. C đặt in 50 quyển hóa đơn GTGT hết 5.500.000 đồng; thuê L (không rõ nhân thân, lai lịch) làm kế toán từ tháng 9/2013 đến 12/2013 trả lương 01 triệu đồng/tháng, tổng cộng đã trả L 04 triệu đồng; từ tháng 01/2014 đến nay thuê Lương Thị N làm kế toán công ty trả lương 01 triệu đồng/tháng, tổng cộng đã trả lương cho N 64 triệu đồng.

C thành lập công ty C H để kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, do một số người có nhu cầu mua hóa đơn GTGT nên ngoài việc kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thật, C còn bán trái phép nhiều số hóa đơn của công ty này. C đặt in 100 quyển hóa đơn GTGT hết số tiền 11 triệu đồng; thuê Ng (không nhớ nhân thân, lai lịch) làm kế toán từ tháng 9/2013 đến tháng 12/2014, trả lương 500.000 đồng/tháng, tổng cộng đã trả Ng 08 triệu đồng; từ tháng 01/2015 đến nay thuê Vũ Thị T làm kế toán công ty trả lương 01 triệu đồng/tháng, tổng cộng đã trả lương cho T 26 triệu đồng.

- Tại Công ty HT, MSDN: 0201181596**,** có trụ sở đăng ký kinh doanh tại tầng 2, số 205 khu chung cư Hoàng Huy, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; từ tháng 9/2013 đến tháng 09/2017, đứng tên giám đốc công ty này là Phạm HT, sinh năm 1989, nơi cư trú: thôn Vụ Nông, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; từ tháng 10/2017 đến tháng 01/2018, đứng tên giám đốc công ty này là Phạm Văn H, sinh năm 1978, nơi cư trú: thôn Kỳ Sơn, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; từ tháng 02/2018 đến tháng 6/2018, đứng tên giám đốc công ty này là Thái Thị Th, sinh năm 1980, nơi cư trú: xóm 5, xã L Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; từ tháng 7/2018 đến tháng 02/2019, đứng tên giám đốc công ty này là Nguyễn Anh Ba, sinh năm 1973, nơi cư trú: khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; từ tháng 3/2019 đến nay, đứng tên giám đốc công ty này là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966, nơi cư trú: tổ Lý Thường Kiệt 1, phường Văn Đẩu, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Phạm Thị C khai nhận: tháng 9/2013, C mua lại giấy chứng nhận đăng ký doanh ngH, bộ con dấu, khoảng 03 quyển hóa đơn của Công ty HT từ một người tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) hết số tiền 30.000.000 đồng và sử dụng hóa đơn Công ty HT để kê khai làm đầu vào cho các công ty của C. C đặt in 10 quyển hóa đơn hết số tiền 2.299.000 đồng; thuê Tr (không nhớ nhân thân, lai lịch) làm kế toán từ tháng 9/2013 đến tháng 12/2016 trả lương 02 triệu đồng/tháng, tổng cộng C đã trả Tr 80 triệu đồng.

- Tại Công ty ĐN, MSDN: 0201259429**,** có trụ sở đăng ký kinh doanh tại số 583 đường 5/3, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố. Hải Phòng; từ tháng 9/2013 đến tháng 8/2014, đứng tên giám đốc là Nguyễn ĐN, sinh năm 1985, nơi cư trú: thôn Vụ Nông, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; từ

tháng 9/2014 đến tháng 9/2018, đứng tên giám đốc là Nguyễn ĐM, sinh năm 1955, nơi cư trú: đường 5/3, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; từ tháng 10/2018 đến nay, đứng tên giám đốc là Vũ Văn Th, sinh năm 1977, nơi cư trú: thôn Hà Đỗ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; hoạt động từ 9/2013 đến nay.

Phạm Thị C khai nhận: tháng 9/2013, C mua lại giấy chứng nhận đăng ký doanh ngH, bộ con dấu của Công ty ĐN từ một người tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) hết số tiền 30.000.000 đồng. C bán trái phép hóa đơn và sử dụng hóa đơn Công ty ĐN để kê khai làm đầu vào cho các công ty của C. C đặt in 10 quyển hóa đơn hết 2.750.000 đồng; thuê L (không nhớ nhân thân, lai lịch) làm kế toán từ tháng 9/2013 đến tháng 9/2017 trả lương 02 triệu đồng/tháng, C đã trả L tổng cộng 98 triệu đồng.

- Tại Công ty TC, MSDN: 0201260287, có trụ sở đăng ký kinh doanh tại tầng 4 tòa nhà Tân An Place, số 22 đường Hồng Bàng, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; từ tháng 9/2013 đến tháng 11/2013, đứng tên giám đốc công ty này là Tô Đình Ch, sinh năm 1977, nơi cư trú: xóm 6 Do Nha, xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; từ tháng 12/2013 đến tháng 12/2015, đứng tên giám đốc công ty này là Vũ Văn B, sinh năm 1960, nơi cư trú: thôn Kinh Giao, xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2016, đứng tên giám đốc công ty này là Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1959, nơi cư trú: TT, phường HT, quận HK, thành phố Hà Nội; từ tháng 01/2017 đến nay, đứng tên giám đốc công ty này là Phạm Thị H, sinh năm 1970, nơi cư trú: số 87 lô 5 Quán Nam, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; hoạt động từ 9/2013 đến nay.

Phạm Thị C khai nhận: tháng 9/2013, C mua lại giấy chứng nhận đăng ký doanh ngH, bộ con dấu của Công ty TC từ một người tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) hết số tiền 30.000.000 đồng. C bán trái phép hóa đơn GTGT và sử dụng hóa GTGT đơn Công ty TC để kê khai làm đầu vào cho các công ty của C. C đặt in 10 quyển hóa đơn hết 2.750.000 đồng; thuê H (không nhớ nhân thân, lai lịch) làm kế toán từ tháng 9/2013 đến tháng 4/2017 trả lương 02 triệu đồng/tháng, C đã trả H 88 triệu đồng.

-Tại Công ty TL, MSDN: 0201710056, có trụ sở đăng ký tại: số 20 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; từ tháng 01/2016 đến tháng 7/2018, đứng tên giám đốc công ty này là Vũ Văn L, sinh năm 1987, nơi cư trú: xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; từ tháng 8/2018 đến nay, đứng tên giám đốc công ty này là Pham Sỹ M, sinh năm 1972, nơi cư trú: khối 5, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Phạm Thị C khai nhận: tháng 01/2016, Vũ Văn L có nhu cầu đi nước ngoài nên thành lập và đứng tên làm giám đốc công ty phát triển thương mại và dịch vụ TL để có thể xin visa nhanh chóng, thuận lợi. L đến nhờ C xin visa nhưng không xin được, L đã để lại giấy chứng nhận đăng ký doanh ngH, bộ con dấu của công ty TL tại văn phòng của C. Sau đó, C làm các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh để Pham Sỹ M đứng tên làm giám đốc. C bán trái phép hóa đơn GTGT và sử dụng

hóa đơn GTGT công ty TL để kê khai làm đầu vào cho các công ty của C. C đặt in 10 quyển hóa đơn hết 2.090.000 đồng; thuê người đàn ông tên N (không nhớ nhân thân, lai lịch) làm kế toán từ tháng 01/2016 đến tháng 02/2019 trả lương 02 triệu đồng/tháng, C đã trả N tổng cộng 76 triệu đồng.

- Tại Công ty N H, MSDN: 0200783580, có trụ sở đăng ký tại: tổ 2, khu 2, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố. Hải Phòng. Năm 2007, Phạm Hùng H sinh năm 1967, nơi cư trú: tổ 2, khu 2, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đứng tên thành lập công ty để kinh doanh dịch vụ vận tải, do làm ăn thua lỗ nên năm 2009 H thông báo tạm dừng kinh doanh. Đến năm 2017, Phạm Thị C (là chị gái của vợ H), có bảo H nhượng lại công ty N H cho C (C không phải trả tiền cho H. Sau đó, C làm các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh để Trần Văn Kh, Đào Quang T đứng tên làm giám đốc, cụ thể: Từ tháng 9/2017 đến 9/2018, đứng tên giám đốc công ty này là Trần Văn Kh, sinh năm 1987, nơi cư trú: tổ 9, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2018, đứng tên giám đốc công ty này là Đào Quang T, sinh năm 1971, nơi cư trú: xóm 4 Lai Khê, xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành, Hải Dương. Đến tháng 01/2019, do H có nhu cầu đi du lịch Canada, H đã nhờ C giúp làm các thủ tục, để thuận lợi cho việc làm thủ tục đi du lịch nước ngoài nên C đã làm thủ tục chuyển tên giám đốc công ty này cho Phạm Hùng H.

Phạm Thị C khai nhận: từ năm 2017, sau khi tiếp nhận công ty từ H, C làm các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh để Trần Văn Kh, Đào Quang T, Phạm Hùng H đứng tên làm giám đốc. C bán trái phép hóa đơn GTGT và sử dụng hóa đơn GTGT công ty Nghĩa H để kê khai làm đầu vào cho các công ty của C. C đặt in 30 quyển hóa đơn hết 4.950.000 đồng; thuê T (không nhớ nhân thân, lai lịch) làm kế toán từ tháng 01/2018 đến tháng 03/2019 trả lương 02 triệu đồng/tháng, C đã trả T tổng cộng 30 triệu đồng.

Mặc dù các công ty nêu trên không có bất cứ hoạt động sản xuất, kinh doanh, trao đổi, mua bán hàng hóa, dịch vụ gì trên thực tế (trừ công ty C Hưng có hoạt động kinh doanh, dịch vụ thật), nhưng Phạm Thị C cùng đồng phạm đã ghi khống nội dung hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn GTGT và các chứng từ kèm theo để bán kiếm lời, trong đó:

+ Phạm Thị C đã bán trái phép tổng số 1.596 số hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống là 1.367.140.296.022 đồng; Cụ thể: bán 1.248 hóa đơn của Công ty PM, 173 hóa đơn của công ty C H, 75 hóa đơn của Công ty TC, 60 hóa đơn của Công ty ĐN, 30 hóa đơn của công ty TL, 10 hóa đơn của công ty N H. Giá bán bằng 1% tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn, thu được số tiền là 13.671.042.960 đồng.

Để hợp thức hóa việc bán hóa đơn GTGT, Phạm Thị C đã kê khai hóa đơn GTGT của các công ty của mình kê khống làm đầu vào cho nhau và mua hóa đơn của nhiều đối tượng khác (không xác định được nhân thân, lai lịch). Căn cứ các tài liệu là tờ khai, bảng kê mà các đối tượng đã nộp cho cơ quan thuế, lời khai của các bị cáo, Cơ quan điều tra đã xác định được:

+ C đã mua khoảng 1.006 số hóa đơn GTGT để kê khai làm đầu vào cho các công ty của C với số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống là 1.341.353.381.881 đồng, với giá mua bằng 0,9% số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn hết 12.072.180.437 đồng. Cụ thể: mua 35 hóa đơn cho Công ty PM, 16 hóa đơn cho công ty C Hưng, 23 hóa đơn cho Công ty HT, 489 hóa đơn cho Công ty TC, 253 hóa đơn cho Công ty ĐN, 150 hóa đơn cho công ty TL, 40 hóa đơn cho công ty N H.

Về việc mua các hóa đơn GTGT đầu vào, Phạm Thị C khai: tháng 9/2013, C đã mua trái phép hóa đơn GTGT của nhiều người khác nhau (không nhớ nhân thân, lai lịch) trong đó: C mua 37 số hóa đơn GTGT với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống là 21.294.005.472 đồng, thuế suất 10% của Ngô Thị M, sinh năm 1967, nơi cư trú: số GH40 khu đô thị Long Sơn, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tại các công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ ANC, công ty TNHH thương mại vật tư xây dựng ĐH, công ty TNHH tH mại YL, công ty TNHH đầu tư thương mại xây dựng AQ, công ty TNHH đầu tư tH mại và dịch vụ NN; C mua 35 số hóa đơn GTGT với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống là 29.420.730.467 đồng của Lê Thanh Ph, sinh năm 1975, nơi cư trú: thôn Vụ Bản, xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tại các công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải HHH, công ty TNHH đầu tư thương mại AT.

Tại Cơ quan điều tra, Ngô Thị M và Lê Thanh Ph đã thừa nhận việc bán trái phép hóa đơn GTGT nêu trên cho C.

Ngày 29/6/2018 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xét xử và tuyên phạt Ngô Thị M 300 triệu đồng về tội Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước (Bản án số 442/2018/HSPT).

Ngày 12/11/2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xét xử và tuyên phạt Lê Thanh Ph 1,8 tỷ đồng về tội Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước và Trốn thuế (Bản án số 697/2019/HSPT).

Cơ quan điều tra đã xác minh được 62 công ty đầu ra, trong đó 51 đại diện các công ty này trình bày có mua hàng hóa, dịch vụ, được xuất hóa đơn GTGT và các chứng từ kèm theo, 03 công ty không có giao dịch với các công ty của C, 08 công ty giám đốc vắng mặt, Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai.

Cơ quan điều tra đã xác minh được 26 công ty đầu vào, trong đó 09 công ty không phát sinh giao dịch với các công ty của C, 05 người không biết bản thân làm giám đốc công ty, 02 người làm giám đốc thuê không biết công ty hoạt động như thế nào, 01 người đứng tên làm giám đốc để xin visa đi nước ngoài, 09 công ty giám đốc vắng mặt, Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai.

+ Phạm Thị C đã nộp các khoản thuế cho các công ty là 834.823.623 đồng, cụ thể: Công ty PM nộp 489.000.000 đồng, Công ty HT nộp 18.300.000 đồng, Công ty TC nộp 127.543.000 đồng, Công ty ĐN nộp 74.591.101, công ty TL nộp 120.461.522 đồng, công ty Nghĩa H nộp 14.000.000 đồng.

+ Các chi phí khác để hoạt động cho các công ty là 585.339.000 đồng gồm: thuê kế toán 474.000.000 đồng, in hóa đơn 31.339.000 đồng, mua văn phòng phẩm và máy tính 80.000.000 đồng.

Các giám đốc Công ty HT gồm: Phạm HT hiện vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai. Nguyễn Anh B không biết bản thân đứng tên giám đốc Công ty HT. Phạm Văn H, Nguyễn Thị Th có nhu cầu đi nước ngoài đến gặp C để làm các thủ tục xin visa đi nước ngoài, C bảo H, Th đứng tên làm giám đốc Công ty HT để xin visa được nhanh hơn. H, Th không biết việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT của C.

Các giám đốc Công ty ĐN gồm: Nguyễn ĐN, Nguyễn ĐM hiện vắng mặt tại địa pH, Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai. Vũ Văn Th khai do có nhu cầu cho con đi du học nước ngoài đến gặp C để làm các thủ tục xin visa cho con đi nước ngoài, C bảo Th đứng tên làm giám đốc Công ty ĐN để xin visa được nhanh hơn. Th không biết việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT của C.

Các giám đốc Công ty TC gồm: Phạm Thị H hiện vắng mặt tại địa pH, Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai. Tô Đình Ch, Nguyễn Xuân Th khai do có nhu cầu đi nước ngoài và Vũ Văn B có nhu cầu cho con đi du học nước ngoài đến gặp C để làm các thủ tục xin visa, C bảo Ch, Th, B đứng tên làm giám đốc Công ty TC để xin visa được nhanh hơn. Ch, Th, B không biết việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT của C.

Giám đốc công ty TL là Vũ Văn L khai không biết việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT của C. Pham Sỹ M có nhu cầu cho con đi du học nước ngoài đến gặp người phụ nữ tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) tại văn phòng trên đường Nguyễn Xiển, quận Thanh Xuân, thành phố. Hà Nội để làm các thủ tục xin visa cho con đi nước ngoài, H bảo M đứng tên làm giám đốc công ty để xin visa được nhanh hơn. M đã đưa giấy chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu để H làm các thủ tục cho M. M không biết việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT của C.

Các giám đốc công ty N H gồm: Trần Văn Kh, Đào Quang T hiện vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai. Phạm Hùng H khai: Năm 2007, Phạm Hùng H đứng tên thành lập công ty để kinh doanh dịch vụ vận tải, do làm ăn thua lỗ nên năm 2009 H thông báo tạm dừng kinh doanh. Đến năm 2017, Phạm Thị C (là chị gái của vợ H), có bảo H nhượng lại công ty N H cho C (C không phải trả tiền cho H). Đến tháng 01/2019, do H có nhu cầu đi du lịch Canada, H đã nhờ C giúp làm các thủ tục, để thuận lợi cho việc làm thủ tục đi du lịch nước ngoài nên C đã làm thủ tục chuyển tên giám đốc công ty này cho Phạm Hùng H. H không biết việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT của C.

Phù hợp với việc Phạm Thị C khai: Năm 2013, C làm đầu mối cho một số công ty du lịch ở Hà Nội để tìm kiếm, giới thiệu cho những người có nhu cầu đi du lịch nước ngoài. Để làm thủ tục xin visa được thuận lợi, nhanh chóng thì C đã làm thủ tục thành lập công ty và cho những người đó đứng tên làm giám đốc các công ty của C. Sau đó, những bộ hồ sơ này được chuyển đến công ty ở Hà Nội để họ làm thủ tục xin visa. Mỗi trường hợp xin visa được thì C được nhận từ 300.000đ

đến 500.000đ. Đến nay, C không nhớ được công ty du lịch này tên là gì, địa chỉ ở đâu, không nhớ đã làm bao nhiêu trường hợp đi nước ngoài và không còn sổ sách ghi chép.

Xác minh tại trụ sở các Công ty HT, TC, ĐN, TL, N H và ghi lời khai chủ các căn nhà có địa chỉ trên đăng ký kinh doanh của các công ty thì tại các địa điểm trên không treo biển của các công ty và không có các công ty có tên trên hoạt động.

Xét hỏi các bị can Phạm Thị C, Lương Thị N, Vũ Thị T khai nhận phù hợp lời khai của nhau, phù hợp với lời khai nhân chứng, người L quan, tang vật thu được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó đủ cơ sở xác định:

- Phạm Thị C: Từ tháng 9 năm 2013 đến ngày bị phát hiện (tháng 5 năm 2019), C đã thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại 07 công ty, cụ thể: đã bán trái phép tổng số 1.596 số hóa đơn GTGT ghi khống số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 1.367.140.296.022 đồng; giá bán bằng 1% tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn, thu được số tiền là 13.671.042.960 đồng; mua khoảng 1.006 số hóa đơn GTGT để kê khai làm đầu vào cho các công ty của C với số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống là 1.341.353.381.881 đồng với giá mua bằng 0,9% số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn hết 12.072.180.437 đồng; sử dụng 701 số hóa đơn GTGT của các công ty của chính bị cáo để kê khai làm đầu vào, ghi khống số tiền chưa thuế là 1.051.345.763.015 đồng. Sau khi trừ các chi phí: mua hóa đơn làm đầu vào hết số tiền 12.072.180.437 đồng, nộp ngân sách nhà nước hết số tiền là 843.823.623 đồng, in hóa đơn hết số tiền là 31.339.000 đồng, thuê kế toán hết số tiền là 474.000.000 đồng, mua máy vi tính xách tay và văn phòng phẩm hết số tiền là 80.000.000 đồng thì bị cáo C thu lợi bất chính được số tiền là 170.059.900 đồng.

- Lương Thị N: Để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT, từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2019, bị cáo C đã thuê Lương Thị N làm kế toán Công ty PM thực hiện các công việc: viết khống nội dung hóa đơn, làm và nộp báo cáo thuế, báo cáo tài chính, giao dịch ngân hàng. Bị cáo N đã giúp sức cho C bán trái phép tổng số 1.197 số hóa đơn GTGT của Công ty PM với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn là 1.023.677.318.554 đồng. N đã được C trả công 1.000.000 đồng/tháng, tổng cộng N đã nhận 64.000.000 đồng.

- Vũ Thị T: từ tháng 01/2015 đến tháng 5/2019, bị cáo C đã thuê Vũ Thị T làm kế toán cho công ty C Hưng thực hiện các công việc: viết khống nội dung hóa đơn, làm và nộp báo cáo thuế, báo cáo tài chính, giao dịch ngân hàng. Bị cáo T đã giúp sức cho C bán trái phép tổng số 117 số hóa đơn GTGT của công ty C Hưng với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn là 30.794.396.460 đồng. T được C trả công 500.000 đồng/tháng, tổng cộng T đã nhận 26.000.000 đồng.

Đối với các giám đốc đứng tên 06 công ty nêu trên, tài liệu điều tra không chứng minh được họ biết Phạm Thị C thành lập công ty để mua bán hóa đơn GTGT nên không đủ cơ sở kết luận họ đồng phạm với Phạm Thị C.

Vật chứng của vụ án: 02 dấu tròn công ty, 02 dấu chức danh giám đốc của Công ty TNHH thép PM và Công ty TNHH tH mại đầu tư và phát triển HT; 02 máy vi tính xách tay; 09 Token (chữ ký số); 02 USB; 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và 100 triệu đồng do C nộp tiền thu lời bất chính, chuyển Kho bạc Nhà nước thành phố Hải Phòng chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-P1 ngày 16/01/2020 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố **Phạm Thị C, Lương Thị N, Vũ Thị T** về tội "Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước", Phạm Thị C vi phạm điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Lương Thị N, Vũ Thị T vi phạm điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình cơ bản như bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa , Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng, đồng thời phân tích vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Phạm Thị C; xử phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo Lương Thị N, Vũ Thị T (bị cáo T thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt tiền mỗi bị cáo từ 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 02 con dấu và các mẫu chữ ký; Tịch thu phát mại 02 điện thoại di động và trả lại cho bị cáo C 02 máy tính xách tay. Tịch thu sung quỹ nhà nước tất cả các khoản tiền các bị cáo đã nộp.

Các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng đều xin giảm nhẹ hình phạt tiền vì điều kiện hoàn C khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thị C, Lương Thị N, Vũ Thị T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

[3] Từ tháng 9/2013 đến tháng 5/2019, Phạm Thị C đã đứng tên thành lập công ty, thuê người thành lập và mua 07 công ty, đã bán trái phép tổng số 1.596 số hóa đơn GTGT ghi khống số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 1.367.140.296.022 đồng, mua 1.006 số hóa đơn GTGT để kê khai làm đầu vào cho các công ty của C với số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống là 1.341.353.381.881 đồng. Sau khi trừ các chi phí thì C thu lợi bất chính số tiền là 170.059.900 đồng. Từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2019, Lương Thị N làm kế toán Công ty PM, giúp sức cho C bán trái phép tổng số 1.197 số hóa đơn GTGT của Công ty PM với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn là 1.023.677.318.554 đồng; được trả lương tổng số 64.000.000 đồng. Từ tháng 01/2015 đến tháng 5/2019, Vũ Thị T làm kế toán cho công ty C Hưng, giúp sức cho C bán trái phép tổng số 117 số hóa đơn GTGT của công ty C H với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn là 30.794.396.460 đồng, được trả lương tổng số 26.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của **Phạm Thị C, Lương Thị N, Vũ Thị T** đã phạm tội "Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước", phạm Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015.

[4] Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm đến ngân sách Nhà nước; vì vậy phải xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[5] Phạm Thị C: Từ tháng 9 năm 2013 đến ngày bị phát hiện (tháng 5 năm 2019), C đã thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại 07 công ty, cụ thể: đã bán trái phép tổng số 1.596 số hóa đơn GTGT ghi khống số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 1.367.140.296.022 đồng; giá bán bằng 1% tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn, thu được số tiền là 13.671.042.960 đồng; mua khoảng 1.006 số hóa đơn GTGT để kê khai làm đầu vào cho các công ty của C với số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống là 1.341.353.381.881 đồng với giá mua bằng 0,9% số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn hết 12.072.180.437 đồng; sử dụng 701 số hóa đơn GTGT của các công ty của chính bị cáo để kê khai làm đầu vào, ghi khống số tiền chưa thuế là 1.051.345.763.015 đồng. Do vậy Phạm Thị C phạm điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015.

[6] Lương Thị N: Để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT, từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2019, C đã thuê Lương Thị N làm kế toán Công ty PM thực hiện các công việc: viết khống nội dung hóa đơn, làm và nộp báo cáo thuế, báo cáo tài chính, giao dịch ngân hàng. Bị cáo N đã giúp sức cho C bán trái phép tổng số 1.197 số hóa đơn GTGT của Công ty PM với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn là 1.023.677.318.554 đồng.

[7] Vũ Thị T: Từ tháng 01/2015 đến tháng 5/2019, bị cáo C đã thuê Vũ Thị T làm kế toán cho công ty C Hưng thực hiện các công việc: viết khống nội dung hóa đơn, làm và nộp báo cáo thuế, báo cáo tài chính, giao dịch ngân hàng. Bị cáo T đã giúp sức cho C bán trái phép tổng số 117 số hóa đơn GTGT của công ty C Hưng với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn là 30.794.396.460 đồng. Do vậy Lương Thị N, Vũ Thị T phạm điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015.

[8] Về số tiền thu lợi bất chính, sau khi trừ các khoản chi phí, nộp thuế bị cáo Phạm Thị C thu lợi bất chính và được hưởng lợi là 170.059.900 đồng. Lương Thị N được hưởng lợi 64.000.000 đồng. Vũ Thị T được hưởng lợi là 26.000.000 đồng.

[9] Hành vi phạm tội của các bị cáo kéo dài từ trước đến sau khi Bộ luật Hình sự 2015 có hiệu lực pháp luật, theo khoản 2 Điều 164a Bộ luật Hình sự 1999 và khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015 đều quy định hình phạt nặng nhất đều là tù có thời hạn và mức hình phạt tù ngang nhau nhưng khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015 còn quy định loại hình phạt chính khác nhẹ hơn (phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng) nên nhẹ hơn so với khoản 2 Điều 164a Bộ luật Hình sự 1999. Vì vậy, theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, nên bị cáo Phạm Thị C bị xét xử theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015. Bị cáo Lương Thị N, Vũ Thị T bị xét xử theo các điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015.

- Về vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[10] Trong vụ án này, bị cáo Phạm Thị C có vai trò cao nhất, là người chủ mưu, khởi xướng, trực tiếp chỉ đạo và thuê các bị cáo khác thực hiện, giúp sức cho mình trong việc mua bán trái phép hóa đơn. Bị cáo Lương Thị N, Vũ Thị T là người giúp sức, đều làm thuê và được bị cáo C trả công.

[11] Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng thời các bị cáo đều đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T khi phạm tội đang có thai và hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, được hưởng thêm tính tiết giảm nhẹ theo điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

[12] Với phân tích trên và căn cứ vào đơn đề nghị của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét không cần thiết phạt tù các bị cáo mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe phòng ngừa tội phạm.

[13] Bị cáo C có vai trò chính trong vụ án, là người khởi xướng, điều hành việc mua bán trái phép hóa đơn, nên mức phạt tiền phải cao hơn các bị cáo khác và cao hơn khởi điểm của khung hình phạt quy định. Bị cáo T thu lợi bất chính ít hơn bị cáo N và có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo N, nhưng không thể phạt tiền dưới mức thấp hơn khởi điểm của khung hình phạt áp dụng được, nên mức phạt của cả 2 bị cáo là ngang nhau, khởi điểm của khung hình phạt áp dụng. Tại thời điểm nghị án các bị cáo đã nộp tiền phạt là: Bị cáo C nộp 250 triệu đồng; bị cáo N và bị cáo T mỗi bị cáo nộp 200 triệu đồng tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Hội đồng xét xử ghi nhận và sẽ quyết định sung công quỹ nhà nước.

- *Về thu lợi bất chính:*

[14] Bị cáo Phạm Thị C được hưởng lợi số tiền 170.059.900 đồng, trong giai đoạn điều tra bị cáo nộp 100.000.000 đồng; giai đoạn xét xử bị cáo C nộp 70.059.900 đồng, bị cáo N nộp 64.000.000 và bị cáo T nộp 26.000.000 đồng. Như vậy khoản tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã nộp hết, Hội đồng xét xử ghi nhận sẽ quyết định sung công quỹ nhà nước.

- *Về xử lý vật chứng:*

[15] Đối với 02 dấu tròn, 02 dấu chức danh, 09 Token, 02 USB bị cáo C sử dụng vào việc mua bán hóa đơn hiện không còn giá trị sử dụng. Cần tịch thu tiêu hủy.

[16] Đối với 2 máy tính thu tại Công ty của bị cáo C, kiểm tra trong máy không có các dữ liệu sử dụng vào việc mua bán hóa đơn, nên cần trả lại cho bị cáo C. Hai điện thoại di động thu của bị cáo N và bị cáo T, các bị cáo dùng vào việc giao dịch mua bán trái phép hóa đơn nên cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước.

- *Về án phí và quyền kháng cáo*:

[17] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt: Phạm Thị C 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng sung công quỹ nhà nước về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước".

Bị cáo C đã nộp toàn bộ số tiền phạt theo Biên lai thu tiền số 0004039 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. (Bị cáo đã thi hành xong).

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt: Lương Thị N 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng sung công quỹ nhà nước về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước".

Bị cáo N đã nộp toàn bộ số tiền phạt theo Biên lai thu tiền số 0004038 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. (Bị cáo đã thi hành xong).

- Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 203; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt: Vũ Thị T 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng sung công quỹ nhà nước về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước".

Bị cáo T đã nộp toàn bộ số tiền phạt theo Biên lai thu tiền số 0004037 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. (Bị cáo đã thi hành xong).

Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Thị C, Lương Thị N và Vũ Thị T.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 dấu tròn Công ty TNHH thép PM và 01 dấu chức danh Giám đốc Nguyễn Xuân Th; 01 dấu tròn Công ty TNHH tH mại đầu tư và phát triển HT và 01 dấu chức danh Giám đốc Nguyễn Thị Th; 09 Token (chữ ký số) có các mã số.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị C 01 máy tính xách tay màu đen; 01 máy tính xách tay màu bạc.

- Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại Iphone màu bạc; 01 điện thoại Iphone màu vàng.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản bàn giao ngày 16/01/2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã nộp:

Bị cáo Phạm Thị C 100.000.000 (một trăm triệu) đồng theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 03/01/2020 tại Kho bạc nhà nước Hải Phòng và 70.000.000 đồng + 59.900 đồng thể hiện tại 02 Biên lai thu tiền số 0004024 và số 0004040 ngày 18/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Bị cáo Lương Thị N 64.000.000 (sáu mươi bốn triệu) đồng theo Biên biên lai thu tiền số 0004025 ngày 18/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Bị cáo Vũ Thị T 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng theo Biên biên lai thu tiền số 0004022 ngày 18/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim San **Nguyễn Thị Luyến** **Nguyễn Văn Thiệm**

Nơi nhận:
- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1- TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công anTP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Phòng KTNV và THA
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thiệm